

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

MỤC LỤC

Điều 1.	Giải thích thuật ngữ	4
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3.	Người đại diện theo pháp luật	5
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5.	Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty	6
Điều 6.	Nguyên tắc hoạt động	7
Điều 7.	Vốn điều lệ	9
Điều 8.	Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ	9
Điều 9.	Chủ sở hữu của Công ty	9
Điều 10.	Quyền của Chủ sở hữu	9
Điều 11.	Nghĩa vụ của Chủ sở hữu	10
Điều 12.	Cơ cấu tổ chức quản lý	10
Điều 13.	Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên	10
Điều 14.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên	11
Điều 15.	Tiêu chuẩn Hội đồng thành viên	12
Điều 16.	Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích của thành viên Hội đồng thành viên	12
Điều 17.	Chủ tịch Hội đồng thành viên	13
Điều 18.	Cuộc họp Hội đồng thành viên	13
Điều 19.	Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên	15
Điều 20.	Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên	15
Điều 21.	Biên bản họp Hội đồng thành viên	16
Điều 22.	Phòng Kiểm toán nội bộ của Hội đồng thành viên	16
Điều 23.	Hoạt động quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên	17
Điều 24.	Tổ chức bộ máy quản lý	17
Điều 25.	Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc	17
Điều 26.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	19
Điều 27.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	19
Điều 28.	Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	19
Điều 29.	Phòng Quản lý rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	20
Điều 30.	Tránh nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	21
Điều 31.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	21
Điều 32.	Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận	22

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Điều 33.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	22
Điều 34.	Công nhân viên và Công đoàn	23
Điều 35.	Phân phối lợi nhuận.....	23
Điều 36.	Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	23
Điều 37.	Trích lập các quỹ theo quy định	23
Điều 38.	Tài khoản ngân hàng.....	23
Điều 39.	Năm tài chính.....	24
Điều 40.	Chế độ kế toán	24
Điều 41.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	24
Điều 42.	Báo cáo thường niên	24
Điều 43.	Kiểm toán	25
Điều 44.	Dấu của Công ty	25
Điều 45.	Tổ chức lại Công ty	25
Điều 46.	Giải thể	25
Điều 47.	Phá sản.....	26
Điều 48.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	26
Điều 49.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	26
Điều 50.	Ngày hiệu lực.....	27

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Hội đồng thành viên số 3009-2/22-QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 9 năm 2022 (“**Điều lệ**”).

MỤC I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) “**Công ty**” là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank;
- (b) “**Chủ sở hữu**” là tổ chức sở hữu 100% Vốn điều lệ của Công ty và có thông tin như quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
- (c) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- (d) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
- (e) “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
- (f) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức có liên quan được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- (g) “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Giám Đốc Chi Nhánh;
- (h) “**Tập đoàn MayBank**” là Malayan Banking Berhad và các công ty liên quan của Malayan Banking Berhad;
- (i) “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam;
- (j) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- (k) “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị tài sản do Chủ sở hữu đã góp vào Công ty, đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và được quy định tại Điều 7 của Điều lệ.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

1.3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

MỤC II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty

- Tên bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- Tên bằng tiếng nước ngoài: **MAYBANK SECURITIES LIMITED**

2.2. Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2.4. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84 28) 44 555 888
- Fax: (84 28) 3827 1030
- Website: www.maybank.com/investment-banking/vn và/hoặc www.maybank-kimeng.com.vn

2.5. Mạng lưới hoạt động

- (a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Công ty và trong phạm vi luật pháp cho phép;
- (b) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.6. Thời hạn hoạt động

Trừ khi được chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

3.1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

3.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- (a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với

tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- (b) Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng thành viên của Công ty có quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- (c) Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng thành viên cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
- (d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

- 3.3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

MỤC III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển xã hội bền vững và thịnh vượng.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

- 5.1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề kinh doanh quy định tại Điều này và phù hợp với quy định pháp luật.

- 5.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;

- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

5.3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Điều 5.2 nêu trên, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật mà Công ty được phép thực hiện tại từng thời điểm. Khi cung cấp các dịch vụ này, Công ty có trách nhiệm đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan (nếu có).

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng thành viên chấp thuận.

5.4. Đối với nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

- (a) Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
- (b) Căn cứ quy định của pháp luật và sự chấp thuận của UBCKNN, Công ty được phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền theo quy định của pháp luật.
- (c) Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền. Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và theo nội dung bản cáo bạch của Công ty khi chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

6.1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành

- (a) Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- (b) Phân định rõ trách nhiệm giữa Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- (c) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Người có liên quan.

- (d) Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ

- (a) Ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
- (b) Ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
- (c) Công ty và nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.
- (d) Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng; thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công Ty.
- (e) Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
- (f) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - (i) Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - (ii) Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
 - (iii) Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - (iv) Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
 - (v) Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - (vi) Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
- (g) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- (h) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
- (i) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
- (j) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- (k) Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- (l) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 7. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai nghìn hai trăm tỷ đồng*).

Điều 8. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ

- 8.1. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ theo quyết định của Chủ sở hữu phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
- 8.2. Cách thức tăng Vốn điều lệ của Công ty:
 - (a) Tăng vốn góp của Chủ sở hữu;
 - (b) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới;
 - (c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.
- 8.3. Việc giảm Vốn điều lệ do Chủ sở hữu quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

MỤC V. CHỦ SỞ HỮU

Điều 9. Chủ sở hữu của Công ty

- Tên Chủ sở hữu: **MAYBANK IBG HOLDINGS LIMITED**
- Quốc tịch: Singapore
- Giấy phép thành lập: 198900204D
- Địa chỉ trụ sở chính: 50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu

- 10.1. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 10.2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 10.3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý doanh nghiệp;
- 10.4. Quyết định các dự án đầu tư phát triển có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 10.5. Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, mua/bán tài sản và/hoặc các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 10.6. Quyết định phát hành trái phiếu;
- 10.7. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- 10.8. Quyết định thành lập/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, góp vốn vào công ty khác;

- 10.9. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 10.10. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- 10.11. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- 10.12. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- 10.13. Các quyết định khác có liên quan đến việc quản lý, điều hành công ty và không trái với các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

- 11.1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn Vốn điều lệ Công ty;
- 11.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
- 11.3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;
- 11.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;
- 11.5. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số Vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;
- 11.6. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 11.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

MỤC VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản trị

Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty bao gồm:

- Hội đồng thành viên; và
- Ban Tổng Giám đốc.

MỤC VII. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 13. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên

- 13.1. Hội đồng thành viên gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 03 (ba) năm.

- 13.2. Chủ sở hữu Công ty có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên bất cứ khi nào cần thiết. Hội đồng thành viên có thể được Chủ sở hữu bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

- 14.1. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ Công ty quy định phải có được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật.
- 14.2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 14.3 Điều lệ, Hội đồng thành viên được nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty được quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này, đồng thời Hội đồng thành viên có thẩm quyền:
- (a) Soát xét/đánh giá/khuyến nghị (nếu có) phạm vi chương trình, quy trình kiểm toán nội bộ, kết quả kiểm toán nội bộ cũng như các biện pháp khắc phục đã thực hiện có phù hợp với các đề xuất của Kiểm toán nội bộ hay không;
 - (b) Đánh giá hiệu quả hoạt động, xem xét việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc Kiểm toán nội bộ;
 - (c) Xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên Kiểm toán nội bộ bao gồm các vấn đề về lương thưởng và tăng lương;
 - (d) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc;
 - (e) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - (f) Đánh giá, xem xét và ra quyết định kết thúc đối với các vụ việc tố cáo vi phạm; và/hoặc đánh giá, xem xét và ra quyết định các bước kết thúc điều tra đối với các vụ việc tố cáo vi phạm và đưa ra các khuyến nghị khi cần thiết.
 - (g) Các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
- 14.3. Các vấn đề sau đây phải do Chủ sở hữu Công ty quyết định:
- (a) Quyết định cơ cấu tổ chức quản trị chung của Công ty;
 - (b) Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
 - (c) Quyết định góp vốn vào công ty khác;
 - (d) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;

- (e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- (f) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn Vốn điều lệ Công ty;
- (g) Các vấn đề khác theo quy định pháp luật phải do Chủ sở hữu Công ty quyết định (nếu có).

14.4. Các quyền và nghĩa vụ khác do Chủ sở hữu quy định phù hợp với pháp luật.

Điều 15. Tiêu chuẩn Hội đồng thành viên

15.1. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- (a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
- (c) Thành viên Hội đồng thành viên không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc (giám đốc) của công ty chứng khoán khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

15.2. Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Điều 15.1 nêu trên, thành viên độc lập Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- (a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- (b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản thù lao, phụ cấp mà thành viên Hội đồng thành viên được hưởng theo quy định;
- (c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Người quản lý doanh nghiệp của Công ty hoặc người quản lý công ty con của Công ty.

Thành viên độc lập Hội đồng thành viên phải thông báo ngay với Hội đồng thành viên và Chủ sở hữu về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng thành viên kể từ ngày không đáp ứng đủ bất kỳ tiêu chuẩn nào. Chủ sở hữu sẽ bổ nhiệm thành viên độc lập Hội đồng thành viên khác đáp ứng các tiêu chuẩn trên để thay thế.

Điều 16. Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích của thành viên Hội đồng thành viên

16.1. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích khác (nếu có) của thành viên Hội đồng thành viên.

16.2. Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích khác (nếu có) của Hội đồng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các quy định khác có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng thành viên

- 17.1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm.
- 17.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- 17.3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là 03 (ba) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 17.4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:
 - (a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến các thành viên;
 - (c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - (d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - (e) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên, biên bản kết quả lấy ý kiến Hội đồng thành viên và các giấy tờ khác thuộc thẩm quyền và theo quy định pháp luật.
 - (f) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
- 17.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều 17.6. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số cho đến khi có các quyết định chính thức của Chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- 17.6. Nguyên tắc Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên như sau:
 - (a) Ủy quyền được thực hiện bằng văn bản hoặc email, thể hiện rõ họ tên của người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời gian ủy quyền;
 - (b) Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại.

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng thành viên

- 18.1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp:

- (a) Hội đồng thành viên tổ chức họp tối thiểu mỗi quý 1 lần và có thể họp bất thường khi cần thiết;
- (b) Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các địa điểm khác trong hoặc ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc có thể được tổ chức thông qua hình thức điện thoại hội nghị.

18.2. Triệu tập họp Hội đồng thành viên:

- (a) Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của bất kỳ thành viên hoặc nhóm thành viên nào của Hội đồng thành viên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.
- (b) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (c) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi bắt đầu họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.
- (d) Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc các phương thức khác và được gửi trực tiếp đến thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng kinh doanh của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp.
- (e) Trường hợp thành viên yêu cầu họp Hội đồng thành viên thì yêu cầu triệu tập họp và lý do họp phải bằng văn bản hoặc được gửi qua các phương tiện điện tử khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung như quy định bên trên và/hoặc theo quy định pháp luật hiện hành thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác về việc không triệu tập họp Hội đồng thành viên cho thành viên có liên quan trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch

Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- (f) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan.

Điều 19. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

- 19.1. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng thành viên dự họp. Mỗi thành viên có 01 (một) phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.
- 19.2. Các thành viên có thể đến tham dự họp hoặc tham dự thông qua điện thoại hội nghị theo sự hướng dẫn của người triệu tập cuộc họp.

Điều 20. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

- 20.1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện điện tử khác, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
- (a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - (b) Quyết định phương hướng phát triển Công ty;
 - (c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám Đốc Kiểm soát nội bộ, Giám Đốc Quản lý rủi ro, Giám Đốc Kiểm toán nội bộ.
 - (d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - (e) Thông qua đề xuất mở tài khoản tại các ngân hàng; các khoản vay tại các ngân hàng trong và ngoài nước;
 - (f) Quyết định thành lập/thay đổi địa điểm/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch.
- 20.2. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên dự họp tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, phải được ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số thành viên dự họp tán thành.
- 20.3. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại hội nghị.
- 20.4. Quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Quyết định.
- 20.5. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bởi 100% số thành viên dự họp tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.

Điều 21. Biên bản họp Hội đồng thành viên

- 21.1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới các hình thức điện tử khác.
- 21.2. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 21.3. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - (b) Họ, tên của thành viên dự họp; họ và tên của thành viên không dự họp;
 - (c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận (nếu có);
 - (d) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - (e) Các quyết định được thông qua;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của các thành viên hoặc chủ tọa cuộc họp và thư ký cuộc họp.
- 21.4. Thư ký cuộc họp và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 22. Phòng Kiểm toán nội bộ của Hội đồng thành viên

- 22.1. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Phòng Kiểm toán nội bộ như sau:
 - (a) Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - (b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - (c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - (d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - (e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - (f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
 - (g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - (h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - (i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

- (j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- (k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- (l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.
- (m) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động khác (nếu có) theo yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên.

22.2. Yêu cầu về nhân sự của Phòng Kiểm toán nội bộ:

- (a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- (b) Giám đốc Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- (c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- (d) Có chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 23. Hoạt động quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên cử thành viên phụ trách để hỗ trợ Hội đồng thành viên thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Tập đoàn Maybank.

MỤC VIII. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty là Ban Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng thành viên trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 25. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

- 25.1. Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý Rủi ro, và (các) Giám đốc Khối Kinh doanh.
- 25.2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc được thuê theo hợp đồng lao động với Công ty.
- 25.3. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- 25.4. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
- 25.5. Công ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám đốc và phải được Hội đồng thành viên thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
- (a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - (b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - (c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng thành viên.
- 25.6. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà các vấn đề này không cần phải có quyết định của Hội đồng thành viên hay Chủ sở hữu Công ty;
 - (b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu;
 - (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức;
 - (e) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - (f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - (g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - (h) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;
 - (i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - (j) Tuyển dụng lao động;
 - (k) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty hoặc theo yêu cầu/quyết định của Hội đồng thành viên.
- 25.7. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- (a) Quyền lợi của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương căn cứ trên hợp đồng lao động và/hoặc thỏa thuận đã ký kết với Công ty. Các khoản thưởng và quyền lợi khác theo quy định của Tập đoàn Maybank.
 - (b) Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện trách nhiệm theo đúng các công việc được giao, theo quy định của pháp luật và của Công ty.

- 25.8. Tiền lương của các thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

- 26.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật Doanh nghiệp;
- 26.2. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- 26.3. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
- 26.4. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
- 26.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 26.6. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên hay thành viên ban giám đốc của công ty chứng khoán khác.
- 26.7. Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quy định pháp luật liên quan (nếu có);
- (b) Có đơn xin từ chức;
- (c) Theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên.

Điều 28. Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

- 28.1. Phòng Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- (a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- (b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Công ty, và đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền của Công ty;

- (c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - (d) Giám sát việc tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - (e) Bảo đảm việc tách biệt tài sản của khách hàng và Công ty;
 - (f) Bảo đảm việc bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - (g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - (h) Những nhiệm vụ về kiểm soát tuân thủ khác theo yêu cầu của Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám đốc và Chief Compliance Officer thuộc Maybank Investment Banking Group (“MIBG”).
- 28.2. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận, phòng ban và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
- (a) Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
 - (b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
 - (c) Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - (d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.
- 28.3. Yêu cầu về nhân sự của Phòng Kiểm soát nội bộ:
- (a) Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - (b) Giám đốc Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - (c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - (d) Có Chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - (e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
- Điều 29. Phòng Quản lý rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc**
Nhiệm vụ của Phòng Quản lý rủi ro:
- (a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - (b) Xác định rủi ro của Công ty;
 - (c) Đo lường rủi ro;
 - (d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện rủi ro;

- (e) Báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

MỤC IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

- 30.1. Người quản lý doanh nghiệp phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 30.2. Người quản lý doanh nghiệp và Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 30.3. Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng thành viên về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 30.4. Thành viên Hội đồng thành viên không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.
- 30.5. Người quản lý doanh nghiệp và những Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 31.1. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 31.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 31.3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường trên.

Điều 32. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

- 32.1. Hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 285.000.000.000 (hai trăm tám mươi lăm tỷ) đồng giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên xem xét quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết:
- (a) Chủ sở hữu Công ty và Người có liên quan của Chủ sở hữu Công ty;
 - (b) Người quản lý doanh nghiệp và Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp;
 - (c) Người quản lý Chủ sở hữu Công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Chủ sở hữu Công ty và Người có liên quan của những đối tượng này.
- 32.2. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty có giá trị từ 285.000.000.000 (hai trăm tám mươi lăm tỷ) đồng trở lên với các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này phải được xem xét quyết định theo quy định của Tập đoàn Maybank.
- 32.3. Người đại diện Công ty ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng giao dịch đó đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.
- 32.4. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có 01 (một) phiếu biểu quyết, trong đó người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 32.5. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
- (a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
 - (b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
 - (c) Chủ sở hữu Công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ của Chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- 32.6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và Người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 33. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- 33.1. Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm toán nội bộ có quyền tra cứu sổ sách và các hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin phải được bảo mật.

- 33.2. Công ty phải lưu giữ Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, (các) Giấy phép thành lập và hoạt động, (các) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyết định Chủ sở hữu, biên bản họp và quyết định Hội đồng thành viên, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác.
- 33.3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 34. Công nhân viên và Công đoàn

- 34.1. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động.
- 34.2. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

MỤC XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ

Điều 35. Phân phối lợi nhuận

Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được chuyển vào năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 37. Trích lập các quỹ theo quy định

- 37.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
- (a) Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
 - (b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - (c) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
- 37.2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Điều 37.1 thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 38. Tài khoản ngân hàng

- 38.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

- 38.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 38.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 39. Năm tài chính

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 40. Chế độ kế toán

- 40.1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
- 40.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 40.3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam, Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lực chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 41. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 41.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 41.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
- 41.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 42. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 43. Kiểm toán

- 43.1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
- 43.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Hội đồng thành viên phê duyệt và được UBCKNN chấp thuận.
- 43.3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng thành viên cùng với thư quản lý (nếu có) trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

MỤC XVI. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 44. Dấu của Công ty

- 44.1. Dấu bao gồm con dấu được khắc theo quy định pháp luật hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 44.2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tổng Giám đốc quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có).
- 44.3. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan lưu giữ, sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế nội bộ của Công ty (nếu có).

MỤC XVII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 45. Tổ chức lại Công ty

- 45.1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty theo quyết định của Chủ sở hữu và chấp thuận của UBCKNN.
- 45.2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 46. Giải thể

- 46.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - (a) Theo quyết định của Chủ sở hữu và được UBCKNN chấp thuận;
 - (b) UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- 46.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc trọng tài.
- 46.3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 47. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

MỤC XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 48. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 48.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, các bên liên quan cố gắng giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
- Đối với tranh chấp liên quan đến Hội đồng thành viên hay Chủ tịch Hội đồng thành viên, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp theo Quy tắc hòa giải của Trung tâm này.
- 48.2. Trường hợp các bên liên quan không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung tâm hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để giải quyết theo Quy tắc hòa giải của Trung tâm này, trừ trường hợp pháp luật quy định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.
- 48.3. Các bên tự chịu chi phí phát sinh có liên quan tới thủ tục thương lượng, hòa giải hoặc bất kỳ thủ tục tố tụng nào. Việc thanh toán các chi phí của tòa án hoặc trọng tài được thực hiện theo phán quyết của tòa án hoặc trọng tài.

MỤC XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 49. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 49.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên Công ty xem xét quyết định.
- 49.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

